

Bản án số: **64/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 18/4/2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 856/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh L** – Sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L1** – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Bình, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và ông L1 hay uống rượu, đánh đập bà nên vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2012. Nay tình cảm giữa bà và ông L1 không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Bà và ông L1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 06/5/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Nguyễn Văn L1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N trình bày quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: bà L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn L1 đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ông Nguyễn Văn L1 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Ninh Bình, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà L yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông L1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Văn L1 tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2000, cấp ngày 13 tháng 4 năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Nguyễn Văn L1 là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa bà và ông L1 bất đồng quan điểm sống và ông L1 thường hay uống rượu, đánh đập bà làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn càng tăng trầm trọng nên từ năm 2012 vợ chồng đã không còn quan tâm chung sống với nhau nữa. Ông Nguyễn Văn L1 đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà L và ông L1 không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà L và ông L1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 06/5/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của vị đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005473 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã N. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Bình;
- (GCNKH số 12/2000 ngày 13/4/2000);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Huỳnh Tường Viên